

Bản án số: 1261/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Ông Huỳnh Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1065/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thuyết H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm: 1967; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Vụ án có kiện phản tố.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn bà Ngô Thị Thuyết H trình bày bà và ông Trần Văn D tự nguyện sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/2018 ngày 26/02/2018.

Sau khoảng thời gian chung sống với nhau, bà nhận thấy giữa hai người có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống. Ông D thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà, ham mê cờ bạc. Do đó, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên không có tiếng nói chung, không thể

hàn gắn được nên bà và ông D đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: Bà xác định không có.

Về chia tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/11/2018, bị đơn ông Trần Văn D thống nhất với bà Hồng về thời gian sống chung, có đăng ký kết hôn, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà Hồng, vì lý do bà Hồng chiếm đoạt tài sản của ông. Ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà Hồng đồng ý trả lại cho ông tài sản trị giá 450.000.000đồng.

Về nuôi con chung: Ông xác định không có.

Về chia tài sản chung: Ông xác định trong quá trình sống chung, ông và bà Hồng có tài sản chung gồm: số tiền 450.000.000đồng là tiền vốn góp ban đầu và tiền lãi là 225.000.000đồng. Do vậy, ông yêu cầu bà Hồng phải chia đôi tài sản chung trên.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 và vi phạm thời hạn gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 21, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu phân tố chia tài sản khi ly hôn của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 02/8/2018, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Trần Văn D có nơi cư trú tại, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Bà Ngô Thị Tuyết H và ông Trần Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 47/2018 ngày 26/02/2018, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên có nhiều khác nhau về cách sống, quan điểm sống. Ông D ham mê cờ bạc, thường xuyên uống rượu về hành hạ bà, gây mất hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn D không đồng ý ly hôn với bà Hồng, ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà Hồng trả lại cho ông tiền bà Hồng đã chiếm đoạt. Ông không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hồng và ông D là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[2] Về nuôi con chung: Các đương sự xác định không có.

[3] Về chia tài sản chung:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Tuyết H xác định không có tài sản chung.

Ngày 12/11/2018, ông Trần Văn D nộp đơn khởi kiện tranh chấp tài sản khi ly hôn. Tại đơn khởi kiện, ông D trình bày do ông tin tưởng bà Hồng nên có giao cho bà Hồng số tiền 450.000.000 đồng để hùn vốn làm ăn và có ra Văn phòng Công chứng Nguyễn Đình Sang; địa chỉ: 187-189 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để công chứng. Do vậy, ông yêu

cầu bà Hồng phải trả lại cho ông số tiền góp vốn là 450.000.000đồng và tiền lãi phát sinh là 225.000.000đồng.

Ngày 24/01/2019, ông Trần Văn D nộp đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Đình Sang; địa chỉ: 187-189 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/02/2019, Tòa án đã ban hành Quyết định số: 09/2019/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với Văn phòng Công chứng Nguyễn Đình Sang; địa chỉ: 187-189 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2019, Công an Phường 8, Quận 5 xác định tại địa chỉ: 187-189 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan đang hoạt động.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bị đơn ông Trần Văn D trong vụ kiện này. Ông D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung, các đương sự xác định không có.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở chấp nhận.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị Tuyết H.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị Tuyết H và ông Trần Văn D.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Tuyết H và ông Trần Văn D được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 47/2018 ngày 26/02/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố chia tài sản khi ly hôn giữa ông Trần Văn D và bà Ngô Thị Tuyết H. Ông Trần Văn D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Ngô Thị Tuyết H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0033161 ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Hồng đã nộp đủ tiền án phí.

Số tiền tạm ứng án phí: 7.750.000 (Bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0033686 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi mà ông Trần Văn D đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thơ